

Bản án số: 203/2017/HS-ST
Ngày 13-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chu Thị Hồng Nhật

Bà Lê Thị Sinh Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 201/2017/TLST-HS ngày 27/11/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2017/QĐXXST-HS ngày 01/12/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Đức N, sinh năm 1980; nơi cư trú: Phường MX, thành phố TQ, tỉnh TQ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Phạm Thị L; có 01 con; tiền án: Bản án số 05/HSST ngày 18/01/2008 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2007 (ra trại ngày 19/9/2015); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 02/01/1998 bị Công an thành phố Tuyên Quang xử phạt hành chính là phạt tiền 50.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng, bản án số 27/ST-HS ngày 18/5/1999 của Tòa án nhân dân thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 năm tù về tội “*Cướp tài sản công dân*” thời hạn tù tính từ ngày 11/02/1999 (chấp hành xong ngày 11/11/2001), bản án số 70/PTHS ngày 24/9/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 27 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2003 (chấp hành xong ngày 30/8/2005); bị bắt tạm giam ngày 27/9/2017 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn HT, xã ĐH, thành phố Th, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị M3; có vợ và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người bị hại:*

+ Anh Phí Trường G, sinh năm 1984; vắng mặt

Trú tại: Phường K, thành phố Th, tỉnh Thái Bình.

+ Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1996; vắng mặt

Trú tại: Thôn XD, xã ĐĐ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Lê Trung H, sinh năm 1985; vắng mặt

Trú tại: Phường TP, thành phố Th, tỉnh Thái Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã HV, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Lê Minh P, sinh năm 1976; vắng mặt

Trú tại: Thôn HT, xã QT, huyện KX, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Trần Phúc L, sinh năm 1994; vắng mặt

Trú tại: Thôn HT, xã ĐH, thành phố Th, tỉnh Thái Bình.

+ Chị Trần Thị H1, sinh năm 1990; vắng mặt

Trú tại: Thôn PC, xã ĐĐ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Vũ Văn M, sinh năm 1992; vắng mặt

Trú tại: Thôn ND, xã QB, huyện KX, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Nguyễn Cường M1, sinh năm 1984; vắng mặt

Trú tại: Phường QT, thành phố Th, tỉnh Thái Bình.

+ Ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1956; vắng mặt

Trú tại: Thôn TM, xã VP, thành phố Th, tỉnh Thái Bình.

+ Ông Trần Xuân M2, sinh năm 1959; vắng mặt

Trú tại: Phường TL, thành phố Th, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung các vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ án thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 17/10/2016, Nguyễn Đức N đến nhà Hoàng Ngọc T chơi. Tại đây, T rủ N cùng nhau đi trộm cắp tài sản, N đồng ý. Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 18/10/2016, T điều khiển xe máy Liberty màu xanh đen không có biển kiểm soát, chở N đi trên một số tuyến phố thuộc thành phố Thái Bình để xem có nhà dân nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến nhà ông Trần Xuân M2 thuộc tổ 01, phường Trần

Lâm, thành phố Thái Bình thì T bảo N đứng ngoài cảnh giới còn T vào nhà ông M2 trộm cắp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave S, sơn màu đen xám, biển số 17M1-2685, trị giá 6.000.000 đồng, chiếc xe là của anh Phí Trường G. T giao chiếc xe này cho N điều khiển về phòng trọ của N ở phường TP, thành phố Th. Trên đường đi N đã tháo chiếc biển số 17M1-2685 vứt xuống sông Trà Lý. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 17/11/2016, N gặp Nguyễn Mạnh C. C hỏi N: “*Anh tìm cho em cái xe giá khoảng tầm từ hai đến ba triệu đồng để em làm phương tiện đi lại*”, N nói: “*Ừ để anh xem, nếu có thì anh gọi cho*”. Đến khoảng 08 giờ ngày 20/11/2016, C gọi điện cho N nói: “*Vấn đề mà em hỏi anh về việc tìm cho em chiếc xe máy anh đã hỏi cho em chưa*”, N nói “*Bây giờ anh có con xe Wave nhẩy không biển số, không giấy tờ mà có mua thì anh để cho với giá 3.000.000 đồng*”. C hiểu ý N nói “*nhẩy*” có nghĩa là trộm cắp. C đồng ý mua và nói với N: “*Hiện tại bây giờ em chưa có tiền, hai ba hôm nữa em có tiền em gửi cho anh*”, N đồng ý và bảo: “*Cứ đến phường Tiền Phong, chỗ sân bóng rồi anh sẽ ra đón*”. Tại phòng trọ, N đã giao cho C chiếc xe máy Wave S màu đen xám kèm theo 01 chìa khóa xe máy, C nhận xe rồi điều khiển về nhà. Sau đó, do chưa có tiền để trả cho N đồng thời biết được anh Trần Phúc L (là chú của C) đang cần mua xe máy để làm phương tiện đi lại nên khoảng 17 giờ ngày 23/11/2016, C mang chiếc xe máy này đến nhà và thỏa thuận bán cho L với giá 3.500.000 đồng. C nói với anh L “*Xe này cháu mua của thằng bạn, nó bị rơi mất giấy tờ và rơi biển số nhưng chú cứ yên tâm*”. Nghe C nói vậy nên anh L đã đồng ý mua chiếc xe và giao tiền cho C. Chiếc xe này, anh L giao lại cho chị Trần Thị H1 để sử dụng. Sau khi được Cơ quan điều tra thông báo chiếc xe là vật chứng của vụ án, chị H1 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cho Cơ quan điều tra quản lý để phục vụ công tác điều tra vụ án.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 46/KLĐG-CATP ngày 03/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: “*Chiếc xe máy Wave S, biển số 17M1-2685, sơn màu đen xám, có số khung RLHHC120X9Y528303, số máy HC12E-1565299 có giá trị 6.000.000 đồng*”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo N không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự nêu trên.

Quá trình điều tra, anh G không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự nêu trên.

Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh G chiếc xe máy Wave S, biển số 17M1-2685, anh G đã nhận lại, không có ý kiến, thắc mắc hay kiến nghị gì. Đối với chiếc biển số xe máy 17M1-2685 đã bị tháo ra và vứt đi, anh không yêu cầu bồi thường. Anh L, chị H1 không có yêu cầu gì với bị cáo C về số tiền 3.500.000 đồng, không có ý kiến gì khác.

Vụ án thứ hai: Khoảng 17 giờ ngày 16/4/2017, Nguyễn Đức N đến nhà Hoàng Ngọc T chơi và ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong T nói với N: “*Đêm nay anh em mình làm tý*” hiểu ý là đi trộm cắp tài sản nên N đồng ý. Đến khoảng 01 giờ ngày 17/4/2017, T điều khiển xe máy Liberty màu xanh đen chở N đến trước cổng dãy nhà trọ ở phường TP, thành phố Th. T bảo N đứng ngoài cảnh giới còn T đi vào bên trong phòng trọ của chị Hoàng Thị V trộm cắp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave S, biển kiểm soát 17M1-5926 trị giá 12.000.000 đồng. T giao chiếc xe máy này cho N điều khiển, cả hai mang xe về nhà trọ của N, ở thôn NC, xã PX, thành phố Th cùng nhau tháo biển số xe cất vào góc phòng. Khoảng 23 giờ ngày 18/4/2017 T đến phòng trọ của N và nói đã liên hệ được chỗ bán xe nên bán luôn cả chiếc Wave α , màu trắng mà N mượn của T từ đầu tháng 4/2017 (chiếc xe này N khai mượn của T không rõ nguồn gốc). T gọi điện thoại cho Vũ Văn M đến để mang hộ 01 chiếc xe. M đồng ý và điều khiển xe Wave α màu trắng, N điều khiển xe máy trộm cắp của chị V, T điều khiển xe máy Liberty. Khi M, T, N đi đến khu vực cầu Kiến Xương, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình thì bị lực lượng Công an yêu cầu M dừng xe lại để kiểm tra. Lúc này, N và T điều khiển xe máy bỏ chạy và mang chiếc xe Honda Wave S, trộm cắp của chị V đến gửi tại bãi trông giữ xe khách sạn W, thuộc phường THĐ, thành phố Th. Ngày 19/4/2017, Cơ quan điều tra đã quản lý 01 chiếc biển số 17M1-5926 và quản lý chiếc xe máy Honda Wave S để phục vụ công tác điều tra vụ án. Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave α , sơn màu trắng bạc đen do Vũ Văn M điều khiển hộ T bị Cơ quan điều tra quản lý.

Kết quả điều tra xác định: Chiếc xe máy Honda Wave S biển số 17M1 – 5926, số máy: JC43E-0568865, số khung: RLHJC43139Y045701, chủ xe mang tên Nguyễn Thị H3, địa chỉ: Xã VC, thành phố Th, tỉnh Thái Bình. Chị H3 mua xe từ năm 2009 với giá 18.000.000 đồng và sử dụng cho đến năm 2015 thì chị bán chiếc xe máy cho anh Lê Minh P với giá 9.500.000 đồng. Chị H3 đã đưa đăng ký xe máy và toàn bộ hồ sơ của xe máy nói trên cho anh P và anh P đã thanh toán đủ tiền cho chị H3. Khoảng 15 giờ ngày 15/4/2017, anh P đã cho chị V mượn chiếc xe máy nói trên.

Kết quả điều tra xác định: Chiếc xe máy Honda Wave α , sơn màu trắng bạc đen, số máy: HC12E-5310462, số khung: RLHHC1218DY310250, chủ xe mang tên Bùi Hữu V, sinh năm 1993, trú tại: Phường HD, thành phố Th. Do Hoàng Ngọc T bỏ trốn, chưa có căn cứ để xử lý nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh.

Bản kết luận định giá tài sản số: 42/KLĐG-CATP ngày 25/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, thành phố Thái Bình, kết luận: “*Chiếc xe máy Honda Wave S, biển số 17M1-5926, sơn màu đen xám, có số khung 43139Y045701, số máy C43E-0568865 giá trị 12.000.000 đồng*”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo N không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự nêu trên.

Quá trình điều tra, anh P, chị V không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự nêu trên.

Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh P chiếc xe máy Honda Wave S biển số 17M1-5926, anh P đã nhận lại chiếc xe và không có ý kiến gì. Về thiệt hại chiếc khóa cửa phòng trọ, chị V không yêu cầu bồi thường.

Vụ án thứ ba: Khoảng 21 giờ ngày 05/7/2017, Nguyễn Đức N đến nhà Hoàng Ngọc T rồi cả hai rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Đến 0 giờ 30 phút ngày 06/7/2017 T điều khiển chiếc xe máy Liberty sơn màu xanh đen chở N đến khu tập thể S, phường TP, thành phố Th. T bảo N đứng ở ngoài cảnh giới, còn T đi vào nhà của anh Lê Trung H trộm cắp 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu đỏ, biển kiểm soát 17B3-312.52. T giao chiếc xe này cho N điều khiển về phòng trọ của N ở thôn NT, xã ĐH, thành phố Th. Trên đường đi, N đã tháo chiếc biển kiểm soát, vứt xuống sông Trà Lý. Tại phòng trọ, T mở cốp xe kiểm tra có 01 chiếc đăng ký xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu đỏ biển kiểm soát 17B3-312.52; 01 giấy phép lái xe máy; 01 chứng minh thư nhân dân đều mang tên Lê Trung H. T đã xé giấy đăng ký xe và vứt ở góc phòng rồi cầm giấy phép lái xe và chứng minh thư nhân dân đi về nhà. Chiếc xe này sau đó T đã nhờ Nguyễn Cường M1 mang đi bán hộ, nhưng không bán được nên anh C đã trả lại chiếc xe nêu trên cho T. Ngày 08/7/2017. T gọi N đến nhà và đưa cho N số tiền 1.500.000 đồng (T nói với N là tiền bán chiếc xe Jupiter trộm cắp). Hiện Cơ quan điều tra chưa thu hồi được chiếc xe Yamaha Jupiter 17B3-312.52. Ngày 24/9/2017 tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Đức N trú tại: Thôn Nghĩa Thắng, xã Đông Hòa, thành phố Thái Bình, quản lý 01 đăng kí mô tô, xe máy nhãn hiệu Yamaha, số loại Jupiter, sơn màu đỏ đen.

Bản kết luận định giá tài sản số: 57/KLDG-CATP ngày 06/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận “*Chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter đỏ đen, số máy E3S1E070887, số khung RLCUE1340HY037233, biển số 17B3-312.52 có giá trị 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng)*”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo N không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự nêu trên.

Quá trình điều tra, anh H không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự nêu trên. Anh H khai trong cốp xe máy Jupiter, sơn màu đỏ đen, biển số 17B3-312.52 có: 01 giấy đăng ký xe máy nhãn hiệu Jupiter, sơn màu đỏ đen, biển số 17B3-312.52 ; 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Lê Trung H; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Trung H; 01 chiếc điện thoại Iphone 4S vỏ màu đen. Anh yêu cầu bị cáo C bồi

thường số tiền 18.000.000 đồng là giá trị của chiếc xe máy Jupiter sơn màu đỏ đen, biển số 17B3-312.52; anh đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ về hành vi trộm cắp chiếc điện thoại và yêu cầu đối tượng trộm cắp bồi thường cho anh số tiền 1.200.000 đồng; còn toàn bộ số giấy tờ bị mất nêu trên và bản lề cửa bị thiệt hại anh không yêu cầu bồi thường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo N khai T là người trực tiếp vào trộm cắp tài sản, N đứng ngoài cảnh giới nên N không biết T có lấy chiếc IP 4S vỏ màu đen không. Cơ quan điều tra chưa triệu tập được T nên không có căn cứ để xử lý.

Bản cáo trạng số: 207/KSĐT ngày 27/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Đức N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Mạnh C về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo N và bị cáo C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Đức N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Mạnh C về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức N phạm tội trộm cắp tài sản. Bị cáo Nguyễn Mạnh C phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

* Về hình phạt:

- Đối với bị cáo N: Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2017.

- Đối với bị cáo C: Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm g, h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo N bồi thường cho anh H số tiền 18.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003:

- Tịch thu tiêu hủy 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy (phần nội dung các mục: Số, tên chủ xe, địa chỉ, số máy, số khung, biển số đăng ký đã bị cắt, tẩy xóa). Trên đăng ký còn thể hiện nội dung một số mục: Địa chỉ: Đông

Hung, Thái Bình; nhãn hiệu: Yamaha; số loại: Jupiter; màu sơn: Đỏ đen; dung tích: 114; Đông Hưng, ngày 31 tháng 03 năm 2017; đăng ký lần đầu ngày: 30/03/2017; dấu tròn của Công an huyện Đông Hưng, chữ ký và chức danh Thượng tá Bùi Đức Thịnh.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng đã quản lý của bị cáo C.

- Truy thu số tiền 3.000.000 đồng N có được từ việc bán chiếc xe cho Nguyễn Mạnh C.

* Về án phí: Bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến và tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo N đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo C đề nghị được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong khoảng thời gian từ ngày 18/10/2016 đến ngày 06/7/2017, Nguyễn Đức N đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, gồm:

Trộm cắp 01 chiếc xe máy Honda Wave S, sơn màu đen xám, biển kiểm soát số 17M1-2685 trị giá 6.000.000 đồng của anh Phí Trường G, trú tại: Lô 153, khu đô thị Kỳ Bá, tổ 29, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình; tại phòng trọ của chị Hoàng Thị V, tổ 05, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình.

Trộm cắp 01 chiếc xe máy Honda Wave S, sơn màu đen xám, biển kiểm soát số 17M1-5926 giá trị 12.000.000. đồng của anh Lê Minh P, trú tại Thôn Hồng Tiến, xã Quyết Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình và tại khu tập thể Cao su Sao Vàng, ngõ 05 đường Trần Thủ Độ, tổ 15, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình.

Trộm cắp 01 chiếc xe máy Yamaha Jupiter biển kiểm soát số 17M1-2685 trị giá 18.000.000 đồng của anh Lê Trung H, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đoài, xã Hồng Việt, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Tổng giá trị tài sản mà N tham gia trộm cắp là 36.000.000 đồng. Sau khi trộm cắp chiếc xe máy Honda Wave S, sơn màu đen xám, biển kiểm soát số 17M1-2685, N đã bán cho C lấy 3.000.000 đồng.

Mặc dù được N nói rõ chiếc xe không có biển kiểm soát, không có giấy tờ là do trộm cắp mà có nhưng do cần phương tiện đi lại và ham rẻ, C vẫn đồng ý mua chiếc xe trên. Sau khi mua chiếc xe, C đã bán lại cho Trần Phúc L với giá 3.500.000 đồng để hưởng tiền chênh lệch.

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản về việc khám xét khẩn cấp nơi ở trọ của Nguyễn Đức N ở thôn Nghĩa Thắng, xã Đông Hòa, thành phố Thái Bình; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; biên bản định giá tài sản; bản kết luận định giá tài sản; đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của anh Phí Trường G, chị Hoàng Thị V, anh Lê Trung H; bản tự khai và biên bản ghi lời khai của anh Lê Minh P, anh Vũ Văn M, anh Nguyễn Cường M1, anh Trần Phúc L, chị Trần Thị H1, ông Nguyễn Xuân Tr và ông Trần Xuân M2. Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức N có đủ các yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”.

Vì vậy, bị cáo N phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt theo quy định này.

Hành vi phạm tội của bị cáo C có đủ các yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 về tội “*Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này”.

Vì vậy bị cáo C phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt theo quy định này.

Đối với Hoàng Ngọc T là người cầm đầu trực tiếp thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản đồng thời là người khởi xướng và rủ Nguyễn Đức N tham gia trộm cắp tài sản. Hoàng Ngọc T không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý Hoàng Ngọc T đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào có đủ căn cứ xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Vũ Văn M là người điều khiển hộ T chiếc xe Honda Wave α màu trắng và Nguyễn Cường M1 là người T nhờ bán hộ chiếc xe máy Yamaha Jupiter, màu đỏ biển kiểm soát 17B3-312.52 nhưng do Hoàng Ngọc T không có mặt tại địa phương, không thu thập được tài liệu, chứng cứ để làm rõ hành vi của M và M1 nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Trần Phúc L, Trần Thị H1 không biết chiếc xe máy Honda Wave S sơn màu đen xám, không biển số, không giấy tờ mua của C là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tính chất mức độ nghiêm trọng, vai trò của hành vi phạm tội:

Đối với bị cáo N, khi được Hoàng Ngọc T rủ đi trộm cắp tài sản thì bị cáo cũng tích cực tham gia và cùng T thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản. Bị cáo giữ vai trò là người giúp sức làm nhiệm vụ lén lút canh coi, cảnh giới tạo điều kiện cho Hoàng Ngọc T thực hiện hành vi phạm tội và trực tiếp mang tài sản trộm cắp đi tiêu thụ. Hành vi phạm tội của bị cáo N đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an. Mặc dù nhận thức được hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác là trái quy định của pháp luật song do không chịu khó lao động, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản lén lút chiếm đoạt tài sản nên cần xử phạt bị cáo N một mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với bị cáo C, dù không hứa hẹn trước nhưng khi biết rõ chiếc xe máy có được do trộm cắp mà có, vì cần phương tiện đi lại và ham rẻ trước mắt mà bị cáo đã đồng ý mua của N với giá 3.000.000 đồng. Do chưa có tiền trả nên C đã mang chiếc xe đó bán cho anh L với giá 3.500.000 đồng để hưởng 500.000 đồng tiền chênh lệch. Hành vi phạm tội của bị cáo C là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này không chỉ trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng mà còn cản trở hoạt động đúng đắn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều

tra, xử lý người phạm tội, gián tiếp khuyến khích người khác phạm tội. Cần xử phạt bị cáo C một mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo N là người có nhân thân xấu và có 01 tiền án. Năm 2003, bị cáo đã bị xử phạt tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần và tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo C là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự và có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, đã tự nguyện giao nộp 500.000 đồng là số tiền bị cáo có được do bán tài sản trộm cắp mà có, tài sản trộm cắp cũng đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

* Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Đối với bị cáo N, xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhưng cũng giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước.

- Đối với bị cáo C, xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc để bị cáo cải tạo ngoài xã hội không ảnh hưởng xấu đến công cuộc đấu tranh và phòng chống tội phạm, cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo và sửa chữa sai lầm, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội là phù hợp với quy định của pháp luật, chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh G đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy Honda Wave S màu đen xám, biển kiểm soát số 17M1-2685 là tài sản hợp pháp của anh, anh không có ý kiến gì. Đối với chiếc biển số xe máy 17M1-2685, N đã vứt xuống sông Trà Lý, Cơ quan điều tra không thu hồi được, anh G không yêu cầu bồi thường gì, không có ý kiến gì khác nên không đặt ra giải quyết.

- Anh L là người đã mua của C chiếc xe máy Honda Wave S với giá 3.500.000 đồng, sơn màu đen xám biển kiểm soát số 17M1-5926 do Nguyễn Mạnh

C phạm tội mà có. Anh L không yêu cầu C bồi thường thiệt hại, không có yêu cầu và ý kiến gì khác nên không đặt ra giải quyết.

- Chị H1 là người mua lại chiếc xe máy Honda Wave S của anh L với giá 3.500.000 đồng, khi biết chiếc xe máy là tài sản trộm cắp đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy nói trên cho Cơ quan điều tra, chị không yêu cầu bồi thường thiệt hại, không có yêu cầu và ý kiến gì khác nên không đặt ra giải quyết.

- Chị V là người mượn chiếc xe máy Honda Wave S màu đen xám biển kiểm soát số 17M1-5926 của anh P để trong phòng trọ của mình và bị trộm cắp, anh P đã nhận lại được tài sản, anh P không có ý kiến gì khác nên không đặt ra giải quyết. Đối với chiếc khóa cửa phòng trọ của chị, vì giá trị không đáng kể nên chị V không yêu cầu bồi thường.

- Anh H là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe máy Yamaha Jupiter, sơn màu đỏ đen biển kiểm soát 17B3-312.52 đã bị trộm cắp, hiện Cơ quan điều tra chưa thu hồi được.

+ Xét việc anh H yêu cầu bồi thường cho anh số tiền 18.000.000 đồng là giá trị chiếc xe máy nói trên, căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần chấp nhận yêu cầu của anh H, buộc bị cáo N bồi thường cho anh H số tiền 18.000.000 đồng.

+ Xét việc anh H đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ và yêu cầu đối tượng trộm cắp bồi thường số tiền 1.200.000 đồng là giá trị chiếc Iphone 4S vỏ màu đen là chính đáng, cần được chấp nhận. Vì quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo N khai không trực tiếp trộm cắp tài sản nên không biết về chiếc Iphone 4S, T không có mặt tại địa phương nên không có căn cứ để xử lý.

+ Xét việc anh H không yêu cầu bồi thường thiệt hại về toàn bộ số giấy tờ anh đã bị mất và chiếc bản lề cửa bị thiệt hại nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan Công an đã trả lại chiếc xe máy Honda Wave S màu đen xám, biển kiểm soát 17M1-5926 là tài sản hợp pháp của anh Lê Minh P là đúng quy định pháp luật.

- Cơ quan Công an đã trả lại chiếc xe máy Honda Wave S màu đen xám, biển kiểm soát 17M1-2685 là tài sản hợp pháp của anh Phí Trường G là đúng quy định của pháp luật.

- Cơ quan Công an quản lý 01 giấy đăng kí xe máy nhãn hiệu Yamha Jupiter, sơn màu đen trắng, phần số đăng ký, số khung, số máy và biển số đã bị cắt, tẩy xóa. Trên đăng ký chỉ còn thể hiện đăng ký lần đầu vào ngày 30/3/2017, dấu tròn màu đỏ của Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình và chữ ký dấu chức danh thượng tá Bùi Đức Thịnh là tài sản không có giá trị, căn cứ Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 cần tịch thu tiêu hủy.

- Cơ quan Công an quản lý số tiền 500.000 đồng của bị cáo C là tiền do phạm tội mà có, căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với chiếc tua vít và cờ lê, N và T dùng để tháo 03 biển số xe máy trộm cắp và dùng để tẩy số máy của xe máy trộm cắp, là công cụ dùng vào việc phạm tội song bị cáo N không nhớ để đâu, Cơ quan điều tra không thu được nên không đặt ra giải quyết.

- Đối với số tiền 3.000.000 đồng của bị cáo N có được từ việc bán xe máy trộm cắp cho C, là tiền do phạm tội mà có, căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự 2003, cần truy thu để sung quỹ nhà nước.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave α sơn màu trắng, số khung RLHHC1218DY310250, số máy đã bị tẩy xóa toàn bộ, không có biển số, đã cũ, hiện chưa xác định được đối tượng đã trộm cắp chiếc xe máy nói trên, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

1.1. Bị cáo Nguyễn Đức N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, phạt bị cáo Nguyễn Đức N 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam 27/9/2017.

1.2. Bị cáo Nguyễn Mạnh C phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 250, điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã ĐH, thành phố Th, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Đức N bồi thường thiệt hại cho anh Lê Trung H số tiền 18.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003:

- Tịch thu tiêu hủy 01 giấy đăng kí xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter, sơn màu đen trắng, phần số đăng ký, số khung, số máy và biển số đã bị cắt, tẩy xóa.
- Tịch thu của bị cáo C số tiền 500.000 đồng để sung quỹ nhà nước.
- Truy thu số tiền 3.000.000 đồng của bị cáo N để sung quỹ nhà nước.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Thái Bình và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 27/11/2017 và Biên lai thu tiền số 0001180 ngày 27/11/2007 của Cục thi hành án Thái Bình).

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2003, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo N, bị cáo C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo N phải chịu 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 13/12/2017. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Việt Hưng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Việt Hưng